

Bản án số: 60/DS-PT

Ngày: 06- 3- 2020

V/v “*Tranh chấp đòi giá trị quyền sử dụng đất, đòi thành quả lao động*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh

Ông Trần Xuân Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ánh Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp đòi giá trị quyền sử dụng đất, đòi thành quả lao động*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1163/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2019; giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chau Y (chết ngày 26/3/2010)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Chau Y

+ Neáng Sóc P, sinh năm 1933 (Vắng mặt);

+ Neáng Sóc R, sinh năm 1961 (Có mặt);

+ Chau Sóc T, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

+ Neáng Púth T, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

+ Chau Sóc T (chết năm 2000), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chau Sóc T: Tha Đa N, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B đường T, khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

Các đương sự Pheáp, T, T, Đa N đồng ủy quyền cho bà R theo văn bản ủy quyền ngày 03/8/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư Huỳnh Văn B - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số 319, khóm Đông Thịnh 9, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Trịnh Kim S (Xinh), sinh năm 1958, (Có mặt);

2.2 Bà Trần Kim H, sinh năm 1964 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 2011)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ, gồm:

+ Bà Nguyễn Thị Hoa P, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Hoa P và ông Nguyễn Thành Tr đồng ủy quyền cho bà Trịnh Kim S.

3.2 Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1963, địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt);

Ông Võ Văn Đ ủy quyền cho bà Trần Kim H.

3.3 Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Khải- Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/02/2020)

Người kháng cáo: Bà Neáng Sóc R, bà Trần Kim H, bà Trịnh Kim S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, do bà Neáng Sóc R là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất 115,2m² hiện nay vợ chồng bà S, ông Đ đang quản lý sử dụng và 180,40m² hiện nay gia đình ông Đ, bà H đang quản lý sử dụng (các đương sự đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là của cha, mẹ bà là ông Chau Y, bà Neáng Sóc Pheáp thừa hưởng của ông ngoại bà là Chau Chum

để lại bị gia đình các bị đơn chiếm dụng, lý do năm 1979 chiến tranh biên giới nên gia đình bà R phải sơ tán về Hậu Giang nên không có điều kiện sử dụng đất. Sau này ông Chau Y và gia đình trở về có tranh chấp với các bị đơn từ năm 1995, năm 2002 được UBND huyện ra quyết định giải quyết, nay bà yêu cầu như sau:

+ Gia đình bà S, ông Đ trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà hoặc trả thành quả lao động cho bà giá 3.500.000đồng/m² đối với diện tích đất 115,2m² do bà S, ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất (ông Đ chết năm 2011, thừa kế của ông Đ là bà P và ông Tr).

+ Gia đình bà H, ông Đ trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà hoặc trả thành quả lao động cho bà giá 3.500.000đồng/m² đối với diện tích đất 180,40m² do bà H, ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất.

Các bị đơn trình bày:

+ Bà S và cũng là người đại diện ủy quyền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà P, ông Tr (con bà S, ông Đ), trình bày: diện tích đất 115,2m² là gia bà đã quản lý, sử dụng từ năm 1980 đến nay, ngày 23/11/2007 gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà đã cất nhà kiên cố trên phần diện tích đất tranh chấp này. Nguyên đơn bà R yêu cầu trả giá trị quyền sử dụng đất, bồi hoàn thành quả lao động 3.500.000đồng/m² bà không đồng ý, bà chỉ yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất, 115,2m² cho gia đình bà.

+ Bà H và là người đại diện ủy quyền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đ, trình bày: diện tích đất 180,40m², gia đình bà được công an huyện Tri Tôn cấp vào năm 1980 (trong đó 65,4m² do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn giao đất có thu tiền 65.400.000đồng của bà vào ngày 11/8/2008). Bà và ông Đ không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn trả giá trị quyền sử dụng đất, bồi hoàn thành quả lao động 3.500.000đồng/m². Bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích đất tranh chấp nêu trên cho gia đình bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn, có ý kiến trình bày: việc cấp đất 115,2m² cho hộ gia đình bà S, ông Đ vào năm 2007 là đúng đối tượng sử dụng đất, đúng trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Đối với diện tích đất 180,40m² (trong đó có 65,4m² do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp cho gia đình bà H, ông Đ, có thu tiền sử dụng đất 65.400.000đồng đã nộp ngân sách Nhà nước theo quy định) cho hộ gia đình ông Đ, bà H vào năm 2009 là đúng đối tượng sử dụng đất là đúng trình tự cấp quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã qua nhiều lần giải quyết, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Neáng Sóc P, Neáng Sóc R, Neáng Sóc T (Neáng Puth T), Chau Sóc T, Chau Sóc T (chết năm 2000) kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chau Sóc T là Tha Đa N đòi bồi hoàn thành quả lao động, đối với hộ bà Trịnh Kim S và hộ bà Trần Kim H.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi giá trị quyền sử dụng đất kiện của bà Neáng Sóc P, Neáng Sóc R, Neáng Sóc T (Neáng Puth T), Chau Sóc T, Chau Sóc T (chết năm 2000) kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chau Sóc T là Tha Đa N đối với hộ bà Trịnh Kim S và hộ bà Trần Kim H.

- Buộc bà Trần Kim H và ông Võ Văn Đ trả thành quả lao động cho nguyên đơn bà Neáng Sóc P, Neáng Sóc R, Neáng Sóc T (Neáng Puth T), Chau Sóc T, Chau Sóc T (chết năm 2000) kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chau Sóc T là Tha Đa N do bà R đại diện nhận là 125.637.000đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn).

- Buộc bà Trịnh Kim S, Nguyễn Thị Hoa P, Nguyễn Thành Tr trả thành quả lao động cho nguyên đơn bà Neáng Sóc P, Neáng Sóc R, Neáng Sóc T (Neáng Puth T), Chau Sóc T, Chau Sóc T (chết năm 2000) kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chau Sóc T là Tha Đa N do bà R đại diện nhận là 125.856.000đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn).

Bà Trịnh Kim S, Nguyễn Thị Hoa P, Nguyễn Thành Tr được trọn quyền sử dụng diện tích 115,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH110995, thửa số 51, tờ bản đồ số 33 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp cho Trịnh Kim S, Nguyễn Văn Đ ngày 23/11/2007.

Bà Trần Kim H và ông Võ Văn Đ được trọn quyền sử dụng diện tích 180,4m² (trong đó có 65,4m² do nhà nước quản lý giao cho hộ gia đình bà H vào năm 2008 có thu tiền sử dụng đất) tọa lạc tại thị trấn Tri Tôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL718086, thửa số 50, tờ bản đồ số 33 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp cho Trần Kim H, Võ Văn Đ ngày 05/02/2009.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 05/9/2018, bà Neáng Sóc R (đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn) kháng cáo cho rằng giá đất tại địa phương là 8.000.000đ/m², Giá đất tòa sơ thẩm áp dụng không phù hợp. Nguyên đơn yêu cầu gia đình bà S trả 3.500.000đ/m² tính trên diện tích 115,2m²; yêu cầu gia đình bà H trả 3.500.000đ/m² tính trên diện tích 180,4m², bà Neáng Sóc R có đơn yêu

cầu định giá lại đất. UBND huyện bán đất cho bà H 64,4m² là đất của ông Chau Y là không đúng. Yêu cầu gia đình bà H trả giá trị đất tính trên diện tích 180,4m². Yêu cầu thu thập thêm chứng cứ.

Bà S, bà H cùng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng, chưa làm rõ đất của ông Chau Y có bị truat hữu hay không, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà R trình bày: Theo giá đất tại chứng thư thẩm định giá là 8.786.000đ/m², bà yêu cầu gia đình các bị đơn trả cho các đồng thừa kế của nguyên đơn với giá 8.786.000đ/m² tính trên diện tích theo yêu cầu khởi kiện, cụ thể gia đình bà S phải trả giá trị đất tính trên diện tích 115,2m²; gia đình bà H phải trả giá trị đất tính trên diện tích 180,4m².

Luật sư Bé trình bày: Quyết định số 1653/QĐ.UB.KN ngày 08/7/2002 đã công nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Chau Y, Quyết định giám đốc thẩm số 35/2010/DS-GĐT ngày 17/8/2010 đã xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp giá trị QSD đất; trong đơn kiện và đơn kháng cáo bà R yêu cầu các bị đơn hoàn trả giá trị đất là 3.500.000đ/m², đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà R, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn.

Bà S trình bày: Không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và Luật sư do bên ông Chau Y không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất của ông, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà S, bác kháng cáo của nguyên đơn.

Bà H và ông Đ đề nghị tòa giải quyết theo pháp luật do vụ án đã kéo dài nhiều năm.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Tranh chấp giữa các bên đã được UBND tỉnh An Giang giải quyết bằng Quyết định số 1653/QĐ.UB.KN ngày 08/7/2002; Nội dung quyết định này giữ nguyên hiện trạng đất cho các bị đơn sử dụng, trong đó đất gia đình bà H có 65,4m² đất do nhà nước cấp đã thu tiền sử dụng đất; giành quyền khởi kiện cho ông Chau Y đòi thành quả lao động trên đất, không có nội dung đòi giá trị QSD đất. Cấp sơ thẩm áp dụng theo giá định giá 2.185.000đ để tính, chấp nhận buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn thành quả lao động là phù hợp, kháng cáo của các bên không có căn cứ nên đề nghị bác kháng cáo của các bên, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc diện tích nguyên đơn yêu cầu bồi hoàn thành quả lao động:

Năm 1995, ông Chau Y tranh chấp đất với các hộ bà S, bà H. Quá trình giải quyết UBND huyện Tri Tôn đã hòa giải nhưng bên bà S, bà H chỉ đồng ý bồi hoàn thành quả lao động cho ông Chau Y với mức là 46.500đ/m² nhưng ông Chau Y không đồng ý nên hòa giải không thành.

Theo nội dung Quyết định số 1653/QĐ.UB.KN ngày 08/7/2002 của UBND tỉnh An Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Chau Y đã kết luận: Ông Chau Y chỉ tranh chấp 230m² đất với gia đình bà S, bà H và nguồn gốc đất này là của ông Chau Y thừa hưởng từ ông Chau Chum sử dụng trước năm 1975. Năm 1979 do chiến tranh biên giới gia đình ông Chau Y phải sơ tán về Hậu Giang nên đất bỏ trống, năm 1981 hộ bà S, bà H đến cất nhà trên đất của ông Chau Y, trong đó hộ bà S sử dụng 115m² và hộ bà H sử dụng 115m² đất. Quyết định này hiện đang có hiệu lực pháp luật, chưa bị hủy bỏ.

Theo trình bày của UBND huyện và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì trong diện tích 180,4m² đất UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ bà H có 65,4m² đất do UBND huyện cấp cho hộ bà H có thu tiền sử dụng đất là 65.400.000đ vào ngày 11/8/2008.

Từ các căn cứ trên có cơ sở kết luận nguồn gốc 115m² đất gia đình bà S đang sử dụng trong diện tích 115,2m² đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ và diện tích 115m² đất gia đình bà H đang sử dụng trong diện tích 180,4m² đất gia đình bà H đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ có nguồn gốc là của ông Chau Y bị gia đình bà S, bà H bao chiếm từ năm 1981. Cấp sơ thẩm đã làm rõ nội dung này.

Vì vậy, kháng cáo của bà Neáng Sóc R yêu cầu gia đình bà S bồi thường 115,2m² và gia đình bà H bồi hoàn thành quả lao động tính trên diện tích 180,4m² và kháng cáo của bà S, bà H cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ đất của ông Chau Y có bị truat hữu hay không là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Chỉ chấp nhận buộc gia đình các bị đơn bồi hoàn giá trị đất, thành quả lao động trên đất với diện tích mỗi gia đình là 115m².

[2]- Xét yêu cầu kháng cáo của bà Neáng Sóc R đồng thời là đại diện cho các thừa kế của nguyên đơn kháng cáo về giá đất làm căn cứ để tính công sức và thành quả lao động trên đất cho yêu cầu khởi kiện:

Sau khi ông Chau Y chết bà R đại diện các đồng thừa kế của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hộ gia đình bà S, bà H trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà và yêu cầu trả thành quả lao động với giá 3.500.000đồng/m² đối với phần đất hộ gia đình bà S, bà H đang sử dụng (hộ bà S đứng tên quyền sử dụng đất 115,2m² hộ bà H đứng tên quyền sử dụng đất 180,4m²), (BL 215, 202) phía hộ gia đình bà S, bà H không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Theo Quyết định số 1653/QĐ.UB.KN ngày 08/7/2002 của UBND tỉnh thì hộ bà S, bà H được sử dụng đất và phải bồi hoàn thành quả lao động cho ông Chau Y.

Thành quả lao động trên đất là kết quả đầu tư, là sự kết tinh sức lao động của người sử dụng đất trong quá trình quá trình sử dụng, quản lý, bồi bổ, cải tạo, giữ gìn đất của người lao động, chủ sử dụng đất trên đất trong suốt quá trình sử dụng đất làm tăng giá trị của đất, thực chất là giá trị quyền sử dụng đất và người sử dụng đất được hưởng giá trị này theo quy định tại Điều 49 Luật đất đai năm 1987, khoản 2 Điều 166 Luật đất đai 2013.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 35/2010/DS-GĐT ngày 17/8/2010 của Hội đồng thẩm phán TANDTC có nhận định: Lẽ ra... phải xác định giá trị QSD đất tranh chấp sau khi trừ đi công sức tôn tạo, bảo quản của gia đình bà S, bà H để công nhận QSD đất cho gia đình bà S, bà H và phải thanh toán giá trị cho gia đình ông Chau Y.

Gia đình ông Châu Y là chủ sử dụng đất này từ trước năm 1975, đã sử dụng và bỏ nhiều công sức tu bổ, cải tạo, quản lý, giữ gìn đất trong hàng chục năm nên phải được bồi hoàn giá trị đất, thành quả lao động trên đất tương xứng với công sức bỏ ra.

Mặc dù gia đình các bị đơn tự ý cất nhà sử dụng trên đất nhưng qua quá trình sử dụng hai gia đình bà S, bà H cũng đã có công sức tôn tạo, bồi đắp, đổ đất nâng cao, quản lý từ năm 1981 đến nay là có công sức làm tăng giá trị đất nên cần xem xét.

Xét thấy, quá trình quản lý, cải tạo làm tăng giá trị đất của các bên là như nhau nên mỗi bên được hưởng ½ giá trị đất theo giá định giá. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Neáng Sóc R có kháng cáo về giá đất và yêu cầu định giá lại. Theo chứng thư thẩm định giá của công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á thì giá đất của hai hộ là 8.786.000đ/m². Như vậy, mỗi bên được hưởng là 4.393.000đ/m².

Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2017 (BL: 610) và đơn kháng cáo của những người kế thừa quyền và tổ tụng của nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn bồi hoàn giá trị đất, thành quả lao động trên đất với mức là 3.500.000đ/m² nên chỉ chấp nhận mức giá này để muộc các bị đơn và gia đình bồi thường cho phía nguyên đơn. Việc bà R đại diện các thừa kế của nguyên đơn

kháng cáo yêu cầu bồi thường theo mức giá 8.786.000đ/m² là không được chấp nhận.

Vì vậy chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Neáng Sóc R đồng thời là đại diện cho các thừa kế của nguyên đơn về nội dung này, sửa một phần án sơ thẩm như sau:

Buộc bà H, ông Đ hoàn giá trị đất, trả thành quả lao động cho các thừa kế của nguyên đơn là $115\text{m}^2 \times 3.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 402.500.000\text{đ}$.

Buộc gia đình bà S hoàn giá trị đất, trả thành quả lao động cho các thừa kế của nguyên đơn là $115\text{m}^2 \times 3.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 402.500.000\text{đ}$.

Về án phí có giá ngạch: Bà S, bà H, ông Đ phải chịu án tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Cụ thể bà H, ông Đ phải chịu 20.100.000đ. Bà S là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí có giá ngạch. Các đồng nguyên đơn không phải chịu án phí có giá ngạch.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Kim S và Trần Kim H; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Neáng Sóc R (đồng thời là đại diện cho các ông bà Neáng Sóc P, Neáng Sóc T (Neáng Puth T), Chau Sóc T, Tha Đa N là người thừa kế của nguyên đơn); sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm số: 71/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 166 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Neáng Sóc P, Neáng Sóc R, Neáng Sóc T (Neáng Puth T), Chau Sóc T, Chau Sóc T (chết năm 2000) kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chau Sóc T là Tha Đa N đòi bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất, thành quả lao động trên đất đối với hộ bà Trịnh Kim S và bà Trần Kim H, ông Võ Văn Đ.

- Buộc bà Trần Kim H và ông Võ Văn Đ hoàn trả giá trị đất, thành quả lao động trên đất cho nguyên đơn bà Neáng Sóc P, Neáng Sóc R, Neáng Sóc T (Neáng Puth T), Chau Sóc T, Chau Sóc T (chết năm 2000) kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chau Sóc T là Tha Đa N do bà Neáng Sóc R đại diện nhận là 402.500.000đ (bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Buộc bà Trịnh Kim S (Xinh), Nguyễn Thị Hoa P, Nguyễn Thành Tr hoàn trả giá trị đất, thành quả lao động trên đất cho nguyên đơn bà Neáng Sóc P, Neáng Sóc R, Neáng Sóc T (Neáng Puth T), Chau Sóc T, Chau Sóc T (chết năm 2000) kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chau Sóc T là Tha Đa N do bà Neáng Sóc R đại diện nhận là 402.500.000đ (bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm ngàn đồng).

2- Bà Trịnh Kim S, Nguyễn Thị Hoa P, Nguyễn Thành Tr được trọn quyền sử dụng diện tích 115,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH110995, thửa số 51, tờ bản đồ số 33 thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp cho Trịnh Kim S, Nguyễn Văn Đ ngày 23/11/2007.

Bà Trần Kim H và ông Võ Văn Đ được trọn quyền sử dụng diện tích 180,4m² (trong đó có 65,4m² do nhà nước quản lý giao cho hộ gia đình bà H vào năm 2008 có thu tiền sử dụng đất) tọa lạc tại thị trấn Tri Tôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL718086, thửa số 50, tờ bản đồ số 33, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp cho Trần Kim H, Võ Văn Đ ngày 05/02/2009.

3- Về chi phí tố tụng: Bà H, bà S có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Neáng Sóc R mỗi người là 2.250.000đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) chi phí 3 lần định giá.

Bà Neáng Sóc R phải chịu chi phí thẩm định giá (đã nộp đủ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với từng thời gian chưa thi hành án.

4- Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Nguyên đơn bà Neáng Sóc Pheáp, Neáng Sóc R, Neáng Sóc T (Neáng Puth T), Chau Sóc T, Chau Sóc T (chết năm 2000) kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chau Sóc T là Tha Đa N (bà R đại diện nhận) được nhận lại 50.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Chau Y nộp theo biên lai phiếu thu số 026867 ngày 11/10/2004 và 10.000.000 đồng (Mười triệu) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do bà Neáng Sóc R theo biên lai phiếu thu số 003944 ngày 28/4/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bà Trần Kim H và ông Võ Văn Đ phải chịu 20.100.000đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Miễn án phí có giá ngạch cho bà Trịnh Kim S, Nguyễn Thị Hoa P, Nguyễn Thành Tr .

- *Án phí phúc thẩm*: Các đương sự không phải chịu. Hoàn lại cho bà Trịnh Kim S, bà Trần Kim H, bà Néang Sóc R, mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai số 0010503, 0010502 cùng ngày 05 tháng 09 năm 2018 và số 0010507 cùng ngày 10 tháng 09 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày là ngày 06/3/2020.

Nơi nhận: <ul style="list-style-type: none">- TANDTC;- VKSNDCC tại Tp.HCM;- VKSND tỉnh An Giang;- TAND tỉnh An Giang;- Cục THADS tỉnh An Giang;- Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan;- Công thông tin điện tử Tòa án;- Lưu HS, VP.	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA (đã ký) Nguyễn Văn Hùng
--	--